

NỘI DUNG ÔN TẬP – MÔN HÓA 8
TUẦN 9

Câu 1: Cho kim loại M tạo ra hợp chất MSO_4 . Biết phân tử khối là 120. Kim loại M là
A. Magie. B. Đồng. C. Sắt. D. Bạc.

Câu 2: Đáp án nào sau đây **không đúng**?

- A. Lưu huỳnh có công thức hóa học là S_2 .
- B. CTHH của đơn chất chỉ gồm kí hiệu hóa học của một nguyên tố.
- C. Phân tử khối của $CaCO_3$ là 100 đvC.
- D. Tất cả đều sai.

Câu 3: Cho hợp chất của X là XO và Y là Na_2Y . Công thức hóa học của hợp chất tạo bởi X và Y là

- A. XY. C. X_3Y .
- B. X_2Y . D. Tất cả các đáp án.

Câu 4: Công thức hóa học của hợp chất tạo bởi X và Y (biết X có hóa trị là I và có số p = số e = 13; Y có nguyên tử khối là 35,5) là

- A. NaO. B. $BaCl_2$. C. NaCl. D. $MgCl_2$.

Câu 5: Cho phản ứng giữa khí nitơ và khí hidro trong điều kiện nhiệt độ thích hợp sinh ra khí amoniac (NH_3). Đáp án nào sau đây đúng với phản ứng trên?

- A. Tỉ lệ giữa khí nitơ và hidro là 1:3. C. Tỉ lệ của nitơ và amoniac là 1:2.
- B. Tỉ lệ giữa khí hidro và nitơ là 1:2. D. Không có đáp án đúng.

Câu 6: Vì sao khi cho kim loại Mg tác dụng với axit HCl thì $m_{MgCl_2} < m_{Mg} + m_{HCl}$?

- A. Vì sản phẩm tạo thành còn có khí hidro.
- B. $m_{Mg} = m_{MgCl_2}$.
- C. HCl có khối lượng lớn nhất.
- D. Tất cả đều sai.

Câu 7: Số nguyên tử của 1,8 mol Fe là

- A. $10,85 \cdot 10^{23}$ nguyên tử. C. $11 \cdot 10^{23}$ nguyên tử.
- B. $10,8 \cdot 10^{23}$ nguyên tử. D. $1,8 \cdot 10^{23}$ nguyên tử.

Câu 8: Khối lượng của Fe trong 92,8 g Fe_3O_4 là

- A. 67,2 gam. B. 25,6 gam. C. 80 gam. D. 10 gam.

Câu 9: Thành phần phần trăm về khối lượng của kim loại Magie trong 1 mol MgO là

- A. 45%. B. 50%. C. 55%. D. 60%.

Câu 10: Nhiệt phân 2,45 g $KClO_3$ thu được khí O_2 . Cho kim loại Zn tác dụng với O_2 vừa thu được. Khối lượng sản phẩm sau phản ứng là

- A. 2,45 gam. B. 5,4 gam. C. 4,86 gam. D. 6,35 gam.

Câu 11: Nung 6,72 gam sắt trong không khí thu được sắt (II) oxit. Tính m_{FeO} và V_{O_2} .

- A. 1,344 g và 0,684 l. C. 1,344 l và 8,64 g.
- B. 2,688 l và 0,864 g. D. 8,64 g và 2,234 ml.

Câu 12: Cho 1,6 gam lưu huỳnh cháy trong không khí thấy có khí thoát ra, khí này có khả năng làm mất màu cánh hoa hồng. Thể tích khí đó là

- A. 1,12 ml. B. 0,102 lít. C. 11,2 ml. D. 1,12 lít.

Câu 13: Muốn thu khí NO vào bình ta phải

- A. đặt đứng bình.
- B. đặt úp bình.
- C. lúc đầu đặt đứng bình sau đó để ngang bình.
- D. Cách nào cũng được.

Câu 14: Chỉ ra các oxit bazơ: P_2O_5 , CaO, CuO, BaO, Na_2O , P_2O_3 .

- A. P_2O_5 , CaO, CuO.
- B. CaO, CuO, BaO, Na_2O .
- C. BaO, Na_2O , P_2O_3 .
- D. P_2O_5 , CaO, P_2O_3 .

Câu 15: Phương trình **không** điều chế oxi là

- A. $2KMnO_4 \xrightarrow{t^o} K_2MnO_4 + MnO_2 + O_2\uparrow$.
- B. $2H_2O \xrightarrow{\text{điện phân}} 2H_2 + O_2\uparrow$.
- C. $2KClO_3 \xrightarrow{t^o} 2KCl + 3O_2\uparrow$.
- D. $2H_2O_3 \xrightarrow{t^o} 2H_2O + O_2\uparrow$.

Câu 16: Tính chất nào sau đây **không** có ở Hidro?

- A. Nặng hơn không khí.
- B. Nhẹ nhất trong các chất khí.
- C. Không màu.
- D. Tan rất ít trong nước.

Câu 17: Hidro có ứng dụng là

- A. Oxi hóa kim loại.
- B. Làm nguyên liệu sản xuất NH_3 , HCl, chất hữu cơ.
- C. Tạo hiệu ứng nhà kính.
- D. Tạo mưa axit.

Câu 18: Tỷ lệ mol của Hidro và Oxi sẽ gây hiện tượng nổ mạnh là:

- A. 2 : 1.
- B. 1 : 3.
- C. 1 : 1.
- D. 1 : 2.

Câu 19: Cho 8g CuO tác dụng với H_2 ở nhiệt độ cao. Sau phản ứng thấy có m (g) chất rắn. Chất rắn đó là chất nào và m bằng bao nhiêu?

- A. Cu; m = 0,64g.
- B. Cu; m = 6,4g.
- C. CuO dư; m = 4g.
- D. Không xác định được.

Câu 20: Sau phản ứng của CuO và H_2 thì có hiện tượng là

- A. Chất rắn màu đen chuyển thành xanh lam.
- B. Chất rắn màu đen chuyển thành đỏ.
- C. Có chất khí bay lên.
- D. Không có hiện tượng.

Câu 21: Cho kim loại A hóa trị II tác dụng với nước ở nhiệt độ thường. Biết sau phản ứng thu được 3,36 lít khí thoát ra ở đktc và 11,1 gam bazơ. Kim loại A là

- A. Ba.
- B. Ca.
- C. Na.
- D. Cu.

Câu 22: Có bốn lọ riêng biệt: nước cất, dung dịch H_2SO_4 , dung dịch NaOH, dung dịch NaCl. Bằng cách nào có thể nhận biết được mỗi chất trong các lọ?

- A. Giấy quỳ tím.
- B. Giấy quỳ tím và đun cạn.
- C. Nhiệt phân.
- D. Dung dịch NaOH.

Câu 23: Có bốn lọ mất nhãn mỗi lọ đựng một chất bột màu trắng riêng biệt: CaO, Na₂O, MgO và P₂O₅. Dùng thuốc thử nào để nhận biết các lọ trên?

- A. Dùng nước và dung dịch axit sunfuric.
- B. Dùng dung dịch axit sunfuric và phenolphtalein.
- C. Đun trong nước và giấy quì tím.
- D. Không có chất nào thử được.

Câu 24: Đốt cháy hoàn toàn 2,24 gam Fe, thu được 3,2 gam oxit sắt. Công thức oxit sắt là

- A. Fe₃O₄.
- B. FeO.
- C. Fe₂O₃.
- D. Fe(OH)₂.

Câu 25: Để đốt cháy 1 mol chất X cần 6,5 mol O₂, thu được 4 mol khí cacbonic và 5 mol nước. Công thức phân tử X là

- A. C₂H₅.
- B. C₂H₂.
- C. CH₄.
- D. C₄H₁₀.

**Biết NTK của: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31;
S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Mn = 55; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; As = 75**

-----*Hết*-----